

Số: 136/BC- THPTAM

Bình Dương, ngày 10 tháng 10 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm 2025

(Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường THPT An Mỹ

2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử)

Địa chỉ: 112, đường An Mỹ - Phú Mỹ, khu phố Phú Mỹ 3, phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 0274.3828449

Website: thpt anmy.edu.vn

3. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/tổ chức quản lý trực tiếp hoặc chủ sở hữu

Loại hình: Công lập

Cơ quan quản lý trực tiếp: Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

Sứ mệnh “Tạo dựng môi trường học tập nề nếp, kỷ cương, thân thiện, chất lượng giáo dục cao”.

Tầm nhìn: “Là một trong những ngôi trường hàng đầu của tỉnh mà học sinh sẽ lựa chọn để học tập và rèn luyện, nơi giáo viên và học sinh luôn có khát vọng vươn tới thành công”.

Hệ thống giá trị cơ bản bao gồm mục tiêu, nội dung, phương pháp, cơ sở vật chất và đội ngũ giáo viên nhằm đào tạo con người phát triển toàn diện, đáp ứng yêu cầu xã hội.

Mục tiêu chung là phát triển toàn diện cho người học về đạo đức trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và kỹ năng phân đấu là trường đạt chuẩn Quốc gia và có uy tín về giáo dục.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

- Trường được xây dựng từ năm 1958, có 07 phòng (01 phòng Ban giám hiệu và 06 phòng học).

- Năm 1999 trường được Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định thành lập với tên gọi Trường PTTH An Mỹ.

- Năm 2001 đến nay được Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định thay đổi tên gọi thành trường Trung học phổ thông An Mỹ.

Hiện nay (năm học 2025-2026) trường có 43 lớp học với 1914 học sinh, Cơ sở vật chất của trường tuy còn thiếu một số hạng mục nhưng vẫn đảm bảo cho hoạt động dạy và học.

Trường đã vinh dự được Chính phủ, Chủ tịch nước, Bộ Giáo dục và Đào tạo, UBND tỉnh tặng Bằng khen.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ

Người đại diện pháp luật: Nguyễn Hoàng Hùng.

Chức vụ: Hiệu trưởng.

Địa chỉ nơi làm việc: Trường THPT An Mỹ . 112, đường An Mỹ - Phú Mỹ, khu phố Phú Mỹ 3, phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh.

Số điện thoại: 0274 3551967

Email: khiettam68@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

a) Quyết định thành lập trường

Năm 1999 trường được Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định thành lập với tên gọi Trường PTTH An Mỹ theo quyết định số 74/1999/QĐ-CT ngày 17/5/1999.

Năm 2001 đến nay được Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định thay đổi tên gọi thành trường Trung học phổ thông An Mỹ (quyết định số 4589/QĐ-CT ngày 18/10/2001).

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường

- Quyết định số 532/QĐ-SGDĐT ngày 31/3/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình Dương về việc thành lập Hội đồng trường Trường Trung học phổ thông An Mỹ nhiệm kỳ 2025-2030.

- Quyết định số 311/QĐ-SGDĐT ngày 24/3/2025 của Sở Giáo dục và Đào

tạo tỉnh Bình Dương về việc công nhận Chủ tịch Hội đồng trường Trường Trung học phổ thông An Mỹ nhiệm kỳ 2025-2030.

Hội đồng trường THPT An Mỹ

Danh sách hội đồng trường

STT	Họ và tên	Chức vụ	Chức vụ Hội đồng trường
1	Ông Nguyễn Hoàng Hùng	Bí thư Chi bộ, Hiệu trưởng	Chủ tịch
2	Ông Phan Minh Tài	Phó Hiệu trưởng	Thành viên
3	Ông Võ Quốc Hùng	Phó Hiệu trưởng	Thành viên
4	Bà Trần Thị Kim Cúc	Chủ tịch Công đoàn cơ sở	Thành viên
5	Ông Hồ Hữu Duy	Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh	Thành viên
6	Bà Lâm Thị Thà	Thư ký Hội đồng	Thư ký
7	Ông Nông Ngọc Trọng	Tổ trưởng Tổ Ngữ Văn	Thành viên
8	Bà Bùi Thị Lan Anh	Tổ trưởng Tổ Sinh – KTNN	Thành viên
9	Bà Võ Thị Phụng	Tổ trưởng Tổ Anh	Thành viên
10	Ông Vũ Văn Quyết	Tổ trưởng Tổ Sử - Địa - GDCD	Thành viên
11	Ông Phạm Đỗ Hải	Tổ trưởng Tổ Toán	Thành viên
12	Bà Nguyễn Thị Bích Liên	Tổ trưởng Tổ Văn phòng	Thành viên
13	Ông Hoàng Minh Văn	Phó CT UBND phường Phú Mỹ	Thành viên
14	Ông Lê Thanh Ngọc	Trưởng ban đại diện CMHS	Thành viên
15	Em Hà Trọng Nguyên	Đại diện học sinh	Thành viên

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục;

- Hiệu trưởng: Nguyễn Hoàng Hùng
- + Quyết định số 1504/QĐ-SGDĐT ngày 07/9/2023 của Sở GDĐT tỉnh Bình Dương về việc luân chuyển và bổ nhiệm viên chức quản lý.
- Phó Hiệu trưởng: Lê Đoàn Minh Thái
- + Quyết định số 1051/QĐ-SGDĐT ngày 20/6/2025 của Sở GDĐT tỉnh Bình Dương về việc điều động và bổ nhiệm viên chức quản lý.
- Phó Hiệu trưởng: Võ Quốc Hùng
- + Quyết định số 1900/QĐ-SGDĐT ngày 08/10/2020 của Sở GDĐT tỉnh Bình Dương về việc điều động, bổ nhiệm viên chức quản lý.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục

Cơ chế hoạt động của trường

- Các hoạt động giáo dục thực hiện theo kế hoạch giáo dục của nhà trường, được tổ chức trong và ngoài giờ lên lớp, trong và ngoài khuôn viên nhà trường, nhằm thực hiện chương trình các môn học, hoạt động giáo dục trong chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.
- Hoạt động giáo dục thông qua một số hình thức chủ yếu: học lí thuyết, làm bài tập, thực hành, thí nghiệm, thực hiện các dự án học tập, tham quan, cắm trại, đọc sách, sinh hoạt tập thể, câu lạc bộ, hoạt động phục vụ cộng đồng.

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục:

Trường THPT An Mỹ được tổ chức hoạt động theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Điều lệ trường Trung học cơ sở, trường Trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

Chức năng:

Thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, giáo dục theo chương trình đào tạo phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển giáo dục của địa phương và quốc gia.

Xây dựng và phát triển chương trình đào tạo, biên soạn và sử dụng giáo trình, tổ chức các hoạt động nghiên cứu khoa học và ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn.

Tư vấn học tập, hướng nghiệp, định hướng nghề nghiệp và hỗ trợ học sinh, phát triển toàn diện.

Tổ chức quản lý, đánh giá và khen thưởng nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên và người học theo quy định.

Nhiệm vụ và quyền hạn của trường học:

- Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về giáo dục, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường theo chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh, tổ chức và cá nhân trong tổ chức các hoạt động giáo dục.

- Tuyển sinh và tiếp nhận học sinh, quản lý học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trong phạm vi được phân công.

- Tổ chức cho giáo viên, nhân viên, học sinh tham gia các hoạt động xã hội.

- Quản lý giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật.

- Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

- Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng giáo dục, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục trong quản lý các hoạt động giáo dục; bảo đảm việc tham gia của học sinh, gia đình và xã hội trong quản lý các hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

Sơ đồ tổ chức bộ máy của đơn vị:

+ 01 Hội đồng trường với 15 thành viên.

+ 01 Hiệu trưởng và 02 Phó Hiệu trưởng.

+ 01 Hội đồng thi đua khen thưởng.

+ Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ nhà trường).

+ Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có: 01 chi bộ gồm 45 đảng viên.

+ Tổ chức Công đoàn có 86 công đoàn viên.

+ Tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có 1.493 đoàn viên, với 44 chi đoàn thuộc Đoàn trường.

+ Ban đại diện CMHS có 16 thành viên.



+ Có 09 tổ chuyên môn và 01 tổ Văn phòng.

đ) *Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có);*

e) *Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường:*

STT	Họ và tên	Chức vụ	Điện thoại	Thư điện tử
1	Nguyễn Hoàng Hùng	Hiệu trưởng	0946878768	Khiettam68@gmail.com
2	Lê Đoàn Minh Thái	Phó Hiệu trưởng	0902545030	Minhthaibp@gmail.com
3	Võ Quốc Hùng	Phó Hiệu trưởng	0988434869	hungv084@gmail.com

8. *Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có)*

II. ĐỘI NGŮ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

(Các cơ sở giáo dục báo cáo theo file Excel đính kèm)

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Các chỉ số đánh giá về cơ sở vật chất

TT	Chỉ số đánh giá	Báo cáo 2025	Năm trước liền kề năm báo cáo 2024
1	Diện tích đất	18.060,9 m ²	18.060,9 m ²
2	Diện tích sàn/người học (m ²)	6.901,9/1912	6.901,9/1794
3	Tỷ lệ giáo viên có chỗ làm việc riêng biệt	%	%
4	Số đầu sách	1.751	1.735
5	Số bản sách/người học	5.774/1.912	5.668/1.794

2. Diện tích đất và diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo

TT	Tên trường	Địa chỉ	Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn (m ²)
	Trường THPT An Mỹ	112, đường An Mỹ - Phú	18.060,9 m ²	6.901,9 m ²

1		Mỹ, khu phố Phú Mỹ 3, phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh		
---	--	--	--	--

3. Các hạng mục cơ sở vật chất được đầu tư mới trong năm

TT	Hạng mục đầu tư	Địa điểm	Kinh phí (triệu đồng)
1	Xây mới	Tại khuôn viên trường	
2	Nâng cấp	0	
3	Đầu tư mới phòng thí nghiệm, bộ môn	Tại khối phòng học mới	
4	Nâng cấp phòng thí nghiệm, bộ môn	0	
	Tổng cộng		

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

- Tên tổ chức kiểm định (tên đầy đủ và tên viết tắt): Trường THPT An Mỹ, tên viết tắt là: không có

Trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2 (chu kỳ 3, giai đoạn 2016-2021):
Quyết định số 3609/QĐ-UBND, ngày 26/12/2017.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Quy mô phát triển trường, lớp, học sinh

Khối	Đầu năm học		Cuối năm học		Bỏ học			Chuyển trường, học nghề	Tăng	Giảm
	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số HS	Tỉ lệ %	Nguyên nhân			
10	16	715	16	712	1	0.1		2		
11	12	529	12	528				1		
12	14	556	14	554	1	0.2		1		

2. Kết quả thực hiện nhiệm vụ giáo dục học sinh năm học 2024-2025

2.1. Đối với học sinh

a) Hạnh kiểm (kết quả rèn luyện)

Khối	TSHS	Tốt	Khá	TB (Đạt)	Yếu (Chưa đạt)	Số với năm học trước
10	712	689	23			
11	528	495	25	8		

12	554	538	15	1		
----	-----	-----	----	---	--	--

b) Học lực (kết quả học tập)

Khối	TSHS	Giỏi (Tốt)	Khá	TB (Đạt)	Yếu (Chưa đạt)	Số với năm học trước
10	712	121	411	175	5	
11	528	130	282	114	2	
12	554	89	322	143		

c) Thống kê danh hiệu

Khối	Học sinh Xuất sắc	Học sinh Giỏi	Học sinh tiên tiến
10	9	111	
11	6	123	
12	2	87	

- Số học sinh lưu ban: 0
- Số học sinh đậu tốt nghiệp: 554
- Số học sinh tham gia xét tuyển đại học: 554

d) Kết quả các cuộc thi, hội thi

STT	Kỳ thi, cuộc thi, hội thi	Kết quả	Ghi chú
1	Học sinh giỏi cấp tỉnh	2 giải ba, 2 giải khuyến khích	
2	Cuộc thi Olympic Học sinh giỏi Toán – Giải thưởng Lương Thế Vinh	- Tập thể: giải ba - Cá nhân: 4 khuyến khích	
3	Cuộc thi Olympic Học sinh giỏi Ngữ văn – Giải thưởng Sao Khuê	Cá nhân: 1 khuyến khích	

2.2. Đối với giáo viên

Danh hiệu	Số lượng	Ghi chú
Giáo viên dạy giỏi cấp trường	16	
Giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp trường	0	
Chiến sĩ thi đua cơ sở	10	Đang đề nghị (chưa có kết quả)

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

Đvt: Triệu đồng

NGUỒN CHI NỘI DUNG	CHI THƯỜNG XUYÊN	CHI KHÔNG THƯỜNG XUYÊN
DỰ TOÁN NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG (1)	134.626.099	0
DỰ TOÁN GIAO (2)	14.713.000.000	1.226.000.000
DỰ TOÁN BỔ SUNG (3)	1.945.847.948	912.364.240
DỰ TOÁN TĂNG CCTL (4)		
DỰ TOÁN THU (1+2+3-4)	16.576.050.504	2.070.116.362
1. Tiền lương	7.574.330.931	
2. Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	343.668.000	
3. Phụ cấp lương	4.008.435.834	933.686.860
4. Các khoản đóng góp	2.279.893.587	
5. Thưởng		
6. Phúc lợi tập thể	46.746.000	
7. Các khoản thanh toán cá nhân	71.830.800	499.465.656
8. Thanh toán dịch vụ công cộng	79.126.756	
9. Vật tư văn phòng	221.022.778	
10. Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	14.125.206	
11. Hội nghị	3.872.000	
12. Công tác phí	94.626.040	
13. Chi phí thuê mướn	252.061.200	58.480.000
14. Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	37.947.200	
15. Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	493.820.172	529.623.846
16. Mua, bảo trì phần mềm công nghệ thông tin	28.231.000	

NGUỒN CHI NỘI DUNG	CHI THƯỜNG XUYÊN	CHI KHÔNG THƯỜNG XUYÊN
17. Chi khác	126.313.000	29.960.000
18. Chi cho công tác Đảng ở tổ chức Đảng cơ sở...		
19. Chi lập các quỹ của đơn vị thực hiện khoán chi và đơn vị sự nghiệp có thu theo chế độ quy định	900.000.000	
20. Phụ cấp ưu đãi nghề (dạy học sinh khuyết tật)		
21. Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên, cán bộ đi học		18.900.000
22. Trợ cấp Tết		
23. Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn		
24. Chi hỗ trợ giải quyết việc làm (chi trợ cấp thôi việc)		
TỔNG CỘNG QUYẾT TOÁN	16.576.050.504	2.070.116.362
DỰ TOÁN CÒN LẠI	217.423.543	68.247.878
CHUYỂN SANG NĂM 2024	132.423.543	
KINH PHÍ HUỖ	85.000.000	68.247.878

2 CÔNG KHAI THU - CHI TIỀN NGUỒN KHÁC NĂM 2024 (Đến ngày 31/12/2024)

TT	Chi tiêu	Học phí	Phí vệ sinh	Dạy buổi 2	Hoạt động tài chính	Cho thuê căn tin, giữ xe (nếu có)
	Năm trước chuyển sang	185.653.347			1.264.920	
1	Doanh thu hoạt động SXKD, dịch vụ trong năm	1.395.760.000	225.434.000	1.884.987.500	4.925.252	
2	Chi phí quản lý của hoạt động SXKD, dịch vụ trong năm	1.581.413.347	225.434.000	1.884.987.500	4.583.410	
-	Chi phí tiền lương, tiền công, phụ cấp và các khoản đóng góp	630.696.945				
-	Chi phí thanh toán khác cá nhân, vật tư, công cụ và dịch vụ và hoạt động đã sử dụng	416.257.303	77.695.560	44.498.643		
-	Chi phí khấu hao TSCĐ					
-	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	28.913.000		30.982.000		
-	Chi phí hoạt động khác	175.668.000	143.229.760	1.771.807.107		
-	Chi phí thuế GTGT					
-	Thuế môn bài	1.000.000				

3. CÔNG KHAI THU - CHI TIỀN CÁC LOẠI QUỸ NĂM 2024 (Đến ngày 31/12/2024)

Tên quỹ	Tồn 2023 chuyển sang	Trích lập quỹ trong năm			Trích từ nguồn Buổi 2	Trích từ nguồn Thu hồi đất	Số đã sử dụng trong năm 2024	Tồn mang Sang 2025
		Trích từ ngân sách	Trích từ thu sự nghiệp	Trích từ hoạt động tài chính				
Quỹ PTHDSN	414.501.313	90.000.000	170.575.159	2.010.268	54.565	1.210.355	-	678.351.660
Quỹ Bổ sung TN	298.431	645.120.000	-	49.891	-	-	645.120.000	348.322
Quỹ Khen thưởng	37.991.517	20.000.000	34.000.000	166.498	-	-	42.256.000	49.902.015
Quỹ Phúc lợi	255.881.983	144.880.000	100.866.940	1.077.833	-	-	210.427.919	292.278.837
Tổng	708.673.244	900.000.000	305.442.099	3.304.490	54.565	1.210.355	897.803.919	1.020.880.834

4 CÔNG KHAI THU - CHI TIỀN CÁC KHOẢN THU HỘ - CHI HỘ NĂM 2024 (Đến ngày 31/12/2024)

Tên quỹ	Tồn 2023 chuyển sang	Thu trong năm	Chi trong năm	Tồn
Trích khen thưởng từ đơn vị	-	107.406.000	107.406.000	-
Tiền khen thưởng do UBND tỉnh cấp	-	3.600.000	3.600.000	-
Tiền khen thưởng đầu đại học điểm cao	-	304.200.000	304.200.000	-
Tiền khen thưởng HKPD đạt giải Sở cấp	-	6.048.000	6.048.000	-
Tuyển sinh đại học - cao đẳng sở cấp	-	10.854.000	10.854.000	-
Hỗ trợ tiền ăn thi TN THPT phòng GD cấp	-	20.000.000	20.000.000	-
Nhận tiền cho Sở GD mượn hội trường	15.650.000	9.200.000	7.450.000	17.400.000
Nguồn sở chuyển về: Chuyển tiền thu dịch vụ tuyển sinh xét tuyển Đại học, cao đẳng năm 2024	-	12.558.000	-	12.558.000
Tổng	15.650.000	473.866.000	459.558.000	29.958.000

Các khoản tạm thu:

Tên quỹ	Tồn 2023 chuyển sang	Thu trong năm	Chi trong năm	Tồn
Tiền đền bù do thu hồi đất để làm đường	226.189.500	-	-	226.189.500

5. Công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội năm học 2024-2025.

Nội dung	Số học sinh	Số tiền	Ghi chú
Đối tượng được hưởng chế độ miễn giảm học phí	19	12.240.000	
Đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập: Theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ; Nghị quyết số 75/2021/NQ-HĐND	28	18.900.000	
- Học kỳ 1 năm học 2024-2025	14	8.400.000	
- Học kỳ 2 năm học 2023-2024	14	10.500.000	
Đối tượng được hỗ trợ học bổng và phương tiện đồ dùng dạy học: Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH			
Hỗ trợ học bổng			
Học kỳ 1 năm học 2024-2025			
Bổ sung học kỳ 2 năm học 2023-2024			
Học kỳ 2 năm học 2023-2024			
Hỗ trợ phương tiện, đồ dùng học tập			
Học kỳ 1 năm học 2024-2025			
Bổ sung học kỳ 2 năm học 2022-2023			
Học kỳ 2 năm học 2023-2024			

TÀI
 TRƯ
 .CH
 AN
 10/

6. Công khai các khoản thu năm học 2024-2025 và dự kiến 2 năm tiếp theo

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu	Ghi chú
I Năm học 2024-2025				
1	Học phí	đồng/học sinh/ năm học	720.000đ	80.000đ/tháng * 9 tháng
2	Dịch vụ vệ sinh học đường	đồng/học sinh/ năm học	99.000đ	11.000/tháng * 9 tháng
3	Bảo hiểm y tế	đồng/học sinh/tháng	73.710đ/ tháng	73.710đ/tháng* 12 tháng (khối 10, 11); 73.710đ/tháng* 9 tháng (khối 12)
4	Dạy ôn tập buổi 2 khối 10, 11, 12	đồng/học sinh	Khối 10, 11: 6.000đ/tiết; Khối 12: 6.500đ/tiết	Thu theo tháng học thực tế và thu vào cuối đợt.
5	Quản lý học sinh, quản lý điểm, liên lạc điện tử, thời khóa biểu	đồng/học sinh/ năm học	70.000đ/năm học	Thu đầu năm học.
II Năm học 2025-2026				
1	Học phí	đồng/học sinh/năm học	1.080.000đ/năm học	Miễn học phí theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP và Công văn số 1888/SGDDT- KHTC
2	Bảo hiểm y tế	đồng/học sinh/tháng	73.710đ/ tháng	73.710đ/tháng* 12 tháng (khối 10, 11,12)
3	Phục vụ, quản lý, vệ sinh bán trú	đồng/học sinh/tháng	165.000đ/tháng	Thu theo tháng ở thực tế
4	Khám sức khỏe ban đầu	đồng/học sinh/năm học	45.000đ/năm học	Thu đầu năm học
5	Ứng dụng CNTT và chuyển đổi số	đồng/học sinh/năm học	80.000 đồng/học sinh/năm học	Thu đầu năm học

THA
ĐƠN
PHOTO
MỸ

6	Dạy tin học Mos	đồng/học sinh/tháng	150.000đ/tháng	Thu theo tháng
7	Dạy học bơi (12 tuần/khoá)	đồng/học sinh/khoá	550.000đ/khoá	Thu theo khoá
8	Dạy Giáo dục Stem	đồng/học sinh/tháng	100.000đ/tháng	Thu theo tháng
9	Suất ăn bán trú	đồng/học sinh/suất	30.000đ/suất	Thu theo tháng ăn thực tế
10	Trông giữ xe học sinh	đồng/học sinh/lượt	2.000đ – 3.000đ	Thu theo ngày

7. Công khai quyết toán thuế TNCN năm 2024

TT	Nội dung	ĐVT	Số người/số tiền	Ghi chú
I	Tổng số lao động tại đơn vị kê khai thuế trong năm	Người	92	
II	Tổng thu nhập chịu thuế trả cho cá nhân	Đồng	12.060.674.756	
III	Các khoản giảm trừ			
1	Số lượng NPT tính giảm trừ	Người	46	
2	Tổng số tiền giảm trừ gia cảnh	Đồng	13.602.600.000	
3	Từ thiện, nhân đạo, khuyến học	Đồng		
4	Bảo hiểm được trừ	Đồng		
IV	Tổng số cá nhân ủy quyền cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập quyết toán thay	Người	17	
IV	Thu nhập tính thuế	Đồng	477.486.554	
V	Số thuế đã nộp	Đồng	23.874.328	



1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	132.423.543	19.097.000.000	9.541.104.722	9.688.318.821
	Tiền lương		8.648.640.000	4.507.501.500	4.272.714.633
	Lương hợp đồng theo chế độ		307.548.000	193.014.000	114.534.000
	Khen thưởng				
	Phụ cấp lương		4.552.409.580	2.384.553.696	2.167.855.884
	Phúc lợi tập thể		75.000.000	15.635.000	59.365.000
	Các khoản đóng góp		2.566.402.420	1.353.364.059	1.213.038.361
	Thanh toán cho cá nhân		90.000.000	50.637.600	40.209.810
	Thanh toán dịch vụ công cộng		498.000.000	80.890.743	417.109.257
	Vật tư văn phòng		210.000.000	84.129.744	125.870.256
	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc		53.000.000	12.870.273	40.129.727
	Hội nghị		25.000.000		25.000.000
	Công tác phí		125.000.000	93.871.000	31.129.000
	Chi phí thuê mướn		456.000.000	178.841.539	277.158.461
	Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và duy tu, bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng từ kinh phí thường xuyên		280.000.000	32.021.000	247.979.000
	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành		280.000.000	510.640.268	-230.640.268
	Mua bảo trì phần mềm công nghệ thông tin		30.000.000	9.000.000	21.000.000
	Chi khác		200.000.000	34.134.300	165.865.700
	Chi cho công tác Đảng ở tổ chức Đảng cơ sở				
	Trích lập các quỹ		700.000.000		700.000.000
2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		2.260.000.000	1.161.651.213	1.098.348.787
	Thừa giờ		177.000.000	79.749.147	97.250.853
	Thanh toán cá nhân		304.000.000	134.641.230	169.358.770
	Đào tạo		120.000.000	20.940.000	99.060.000
	Nghiệp vụ chuyên môn		697.000.000	451.820.772	245.179.22

	Cấp bù học phí				20.000.000	7.000.000	13.000.000
	Hỗ trợ chi phí học tập				20.000.000	10.500.000	9.500.000
3	Quỹ tiền thưởng				922.000.000	457.000.064	464.999.936
	Tăng thu nhập theo NQ 27/2025/NQ- HĐND ngày						



8.2 Nguồn thu sự nghiệp

TT	Nội dung	Học phí	Phí vệ sinh	Dạy buổi 2	Hoạt động tài chính
1	Kinh phí năm 2024 chuyển sang				1.606.762
2	Thu đến tháng 6/2025	730.960.000	98.890.000	617.232.000	5.994.568
3	Chi đến 30/6/2025	405.263.005	98.890.000	617.232.000	16.000
	Kinh phí còn lại chuyển kỳ sau	325.696.995	0	0	7.585.330

8.3 Tiền gửi các quỹ:

Tên quỹ	Tồn 2024	Trích lập quỹ trong năm			Số đã sử dụng 6 tháng đầu năm 2025	Tồn chuyển kỳ sau
		Trích từ ngân sách	Trích từ thu sự nghiệp	Trích từ hoạt động tài chính		
Quỹ PTHDSN	678.351.660					678.351.660
Quỹ Bổ sung TN	348.322					348.322
Quỹ Khen thưởng	49.902.015				16.212.000	33.690.015
Quỹ Phúc lợi	292.278.837				95.548.947	196.729.890
Tổng	1.020.880.834				111.760.947	909.119.887

8.4 Các khoản thu hộ chi hộ:

Tên quỹ	Tồn 2024 chuyển sang	Thu trong năm	Chi trong năm	Tồn
Hỗ trợ tết nguyên đán (Nguồn tỉnh ủy)	-	172.000.000	172.000.000	-
Sở mượn hội trường	17.402.000	2.600.000	-	20.002.000
Khen thưởng HKPD Sở cấp	-	8.868.600	8.868.600	-
Khác	-	2.860.483	-	2.860.483
Tiền đền bù đất	226.189.500	-	-	226.189.500
Tổng	243.592.000	186.329.083	180.868.600	249.051.983

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường đảm bảo sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, bố trí đội ngũ giáo viên hiệu quả

- Nhà trường đã xây dựng kế hoạch giáo dục sát với thực tiễn, phù hợp với chương trình giáo dục phổ thông hiện hành.

- Việc sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị được bố trí hợp lý, hiệu quả.

- Đội ngũ giáo viên được phân công giảng dạy phù hợp với chuyên môn, đảm bảo chất lượng giảng dạy.

2. Thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức dạy học

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy.

- Đổi mới phương pháp dạy học lấy học sinh làm trung tâm, phát huy năng lực tự học, sáng tạo của học sinh.

- Triển khai các hình thức học tập linh hoạt như học nhóm, học dự án, học trực tuyến.

3. Thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức kiểm tra, đánh giá

- Đổi mới kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.

- Thực hiện đánh giá thường xuyên, định kỳ công khai, minh bạch, khách quan.

- Tăng cường sử dụng ngân hàng đề thi, ma trận đề để đảm bảo chuẩn kiến thức kỹ năng.

4. Nâng cao chất lượng giáo dục hướng nghiệp

- Tổ chức tư vấn hướng nghiệp định kỳ cho học sinh khối THCS/THPT.

- Phối hợp với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp để tổ chức hoạt động trải nghiệm nghề nghiệp thực tế.

- Đưa nội dung giáo dục hướng nghiệp vào giảng dạy chính khóa.

5. Tham gia tổ chức các kỳ thi, cuộc thi

- Nhà trường tổ chức tốt các kỳ thi như thi học kỳ, thi chọn học sinh giỏi.

- Học sinh tích cực tham gia các cuộc thi do các cấp tổ chức KHKT, văn nghệ, thể thao,... và đạt nhiều giải thưởng.

6. Công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh; việc xây dựng môi trường giáo dục dân chủ, an toàn, vệ sinh; biện pháp khắc phục tình trạng dạy thêm, học thêm, thu sai quy định

a) Công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh

- Đẩy mạnh các hoạt động ngoại khóa, trải nghiệm, giáo dục kỹ năng sống, phòng chống bạo lực học đường.



- Phối hợp chặt chẽ với gia đình và xã hội trong việc giáo dục đạo đức học sinh.

b) Việc xây dựng môi trường giáo dục dân chủ, an toàn, vệ sinh

- Đảm bảo môi trường học tập xanh - sạch - đẹp - an toàn.
- Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở trong nhà trường.
- Tăng cường công tác y tế học đường, phòng chống dịch bệnh

c) Biện pháp khắc phục tình trạng dạy thêm, học thêm, thu sai quy định

- Nhà trường nghiêm túc thực hiện các quy định của Bộ GD&ĐT về dạy thêm, học thêm.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát thường xuyên, không để xảy ra tình trạng thu chi sai quy định

7. Phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục

- Đầu tư nâng cấp phòng học, phòng chức năng, thiết bị dạy học theo hướng hiện đại.

- Bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên hệ thống cơ sở vật chất hiện có.
- Phối hợp với các đơn vị tài trợ để huy động nguồn lực xã hội hóa

8. Tăng cường cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

- Đầu tư nâng cấp phòng học, phòng chức năng, thiết bị dạy học theo hướng hiện đại.

- Bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên hệ thống cơ sở vật chất hiện có.
- Phối hợp với các đơn vị tài trợ để huy động nguồn lực xã hội hóa

9. Thực hiện đổi mới công tác quản lý giáo dục

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý điều hành.
- Thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo quy định.
- Nâng cao vai trò của các tổ chuyên môn, phát huy tính dân chủ trong quản lý.

10. Tăng cường công tác truyền thông giáo dục

Trên đây là Báo cáo thường niên của Trường THPT An Mỹ về việc thực hiện công khai theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Nơi nhận:

- Sở GDĐT (Phòng QLCL);
- Website trường;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Hoàng Hùng

